FireAnt

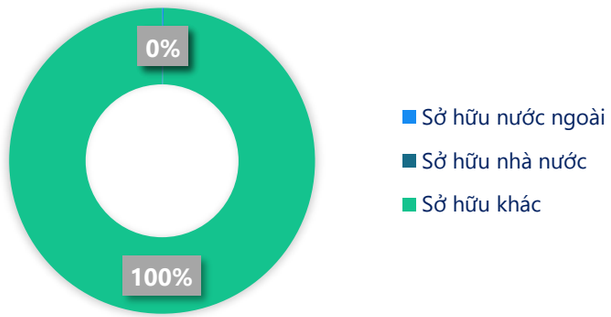
CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CƠ CẤU TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

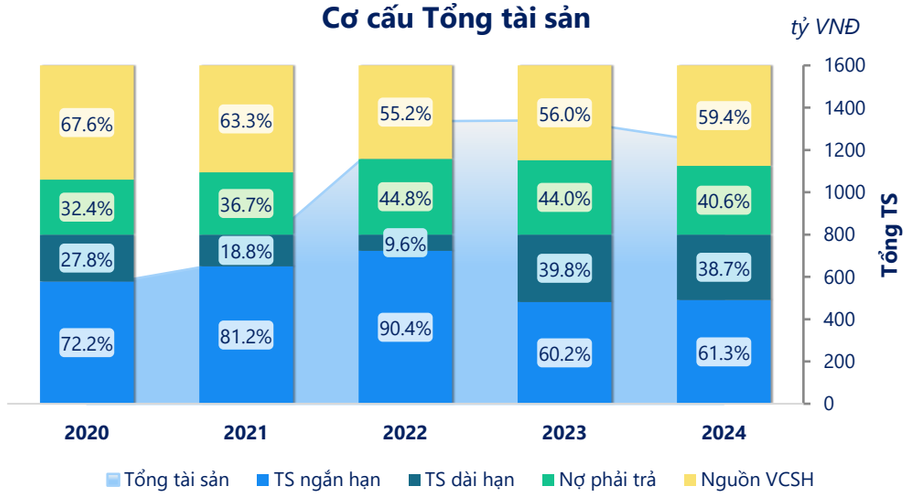
Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	5,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	64,245,281
KLGD BQ 20 phiên (CP)	374,570
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	729
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
P/E	-16.6
EPS	-349

	YTD	1T	3T	6T
FIR		12.6%	-5.7%	-18.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu



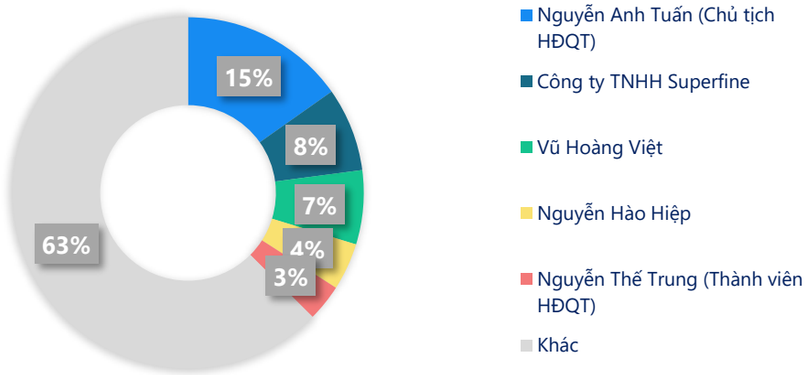
Cơ cấu Tổng tài sản



Tổng tài sản của **FIR** năm 2024 đạt **1,227** tỷ đồng, giảm **8.42%** so với năm trước. Trong đó, tỷ trọng của tài sản ngắn hạn trong Tổng tài sản là 61.3%, lớn hơn tài sản dài hạn. Với cơ cấu Nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng là 59.4%, cao hơn nợ phải trả.

Cần phân tích cụ thể sự thay đổi giá trị cũng như cơ cấu tổng tài sản những năm gần đây.

Cơ cấu cổ đông



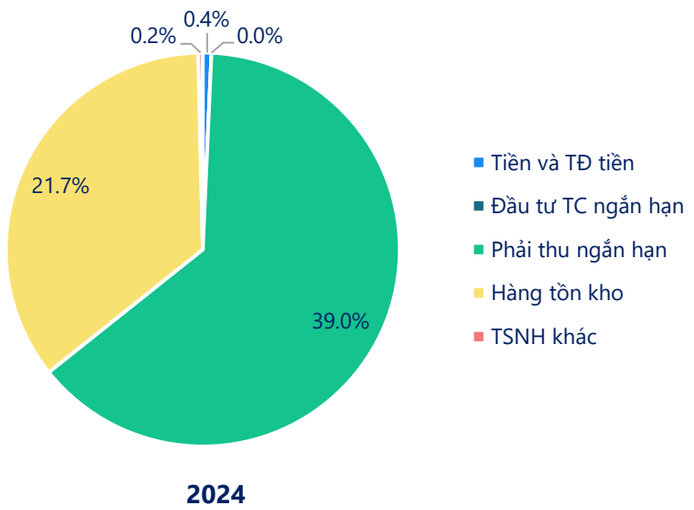
Về cơ cấu sở hữu, **sở hữu khác** chiếm tỷ lệ cao nhất là **99.8%**, tiếp đến là sở hữu nước ngoài 0.16% và không có sở hữu nhà nước.

Trong đó, cổ đông lớn nhất là **Nguyễn Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)** sở hữu **15.2%**, lớn thứ 2 là Công ty TNHH Superfine nắm giữ 7.70% và đứng thứ 3 là Vũ Hoàng Việt nắm giữ 6.82%.

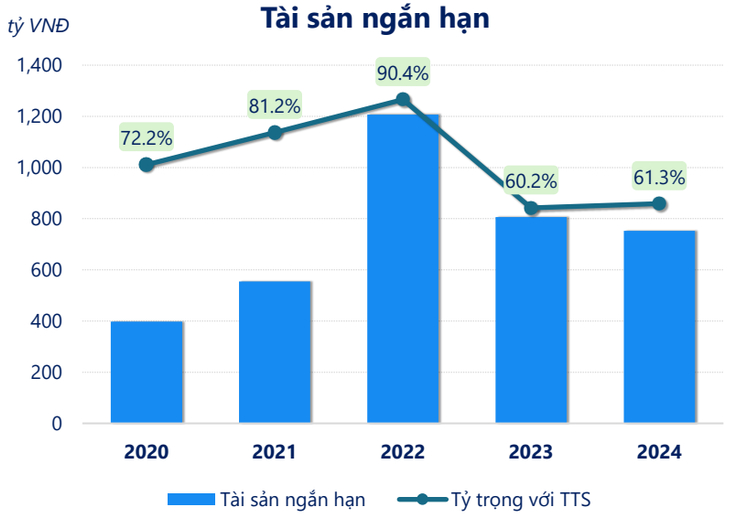
Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

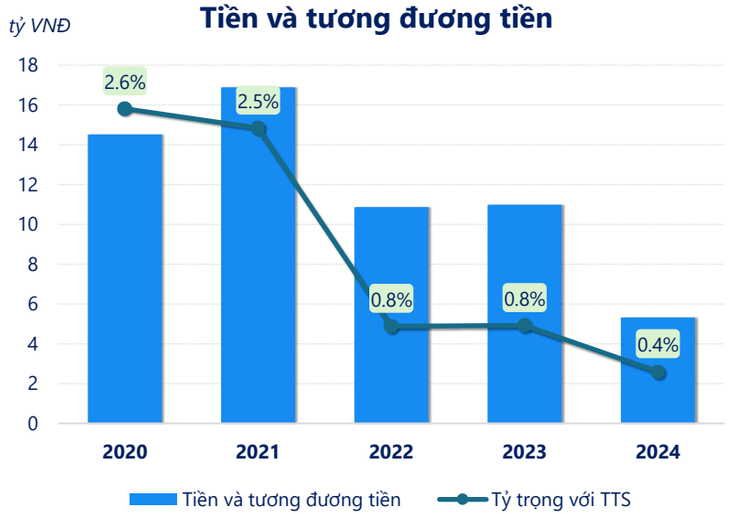
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tài sản ngắn hạn



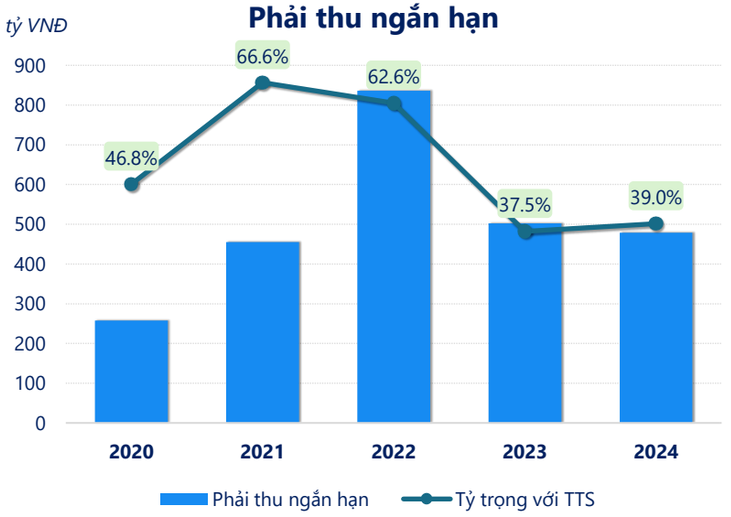
Tiền và tương đương tiền



Tài sản ngắn hạn của FIR năm 2024 giảm **6.62%** so với năm trước, đạt **753.0** tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng lên so với năm trước chiếm **61.3%** tổng tài sản. Trong đó, **phải thu ngắn hạn** chiếm tỷ trọng lớn nhất **39.0%**, tiếp đến là hàng tồn kho chiếm 21.7% trên tổng tài sản.

Phân tích cơ cấu tài sản ngắn hạn giúp đánh giá khả năng thanh toán ngắn hạn và mức độ cân đối trong cấu trúc tài sản.

Phải thu ngắn hạn

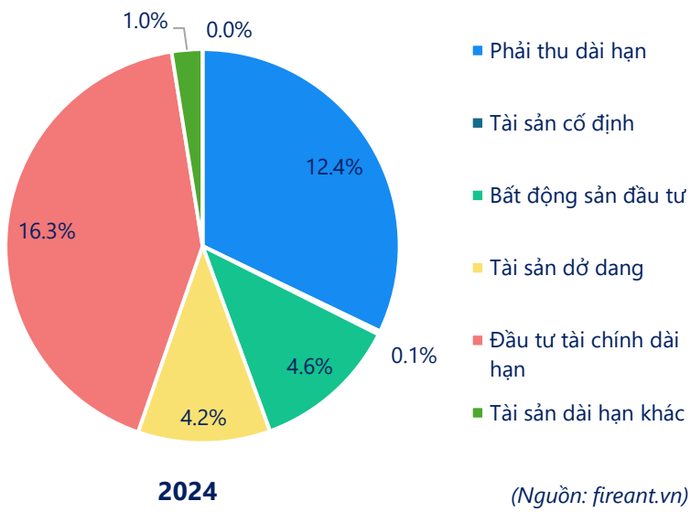


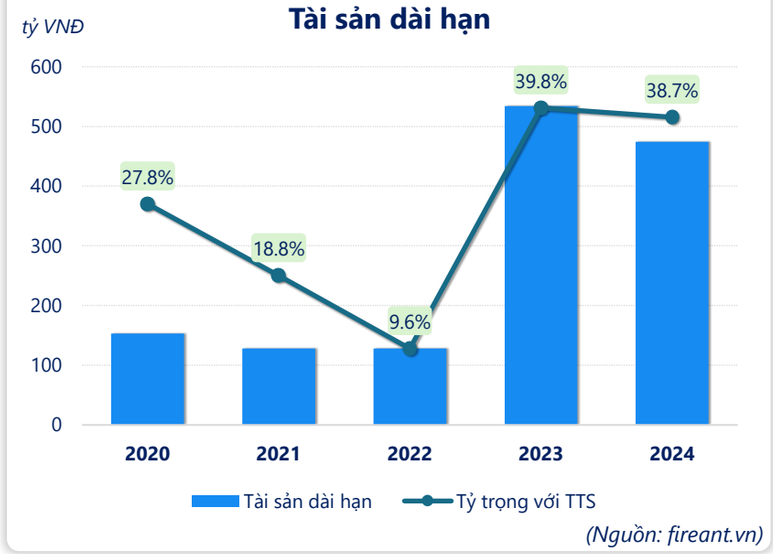
Hàng tồn kho

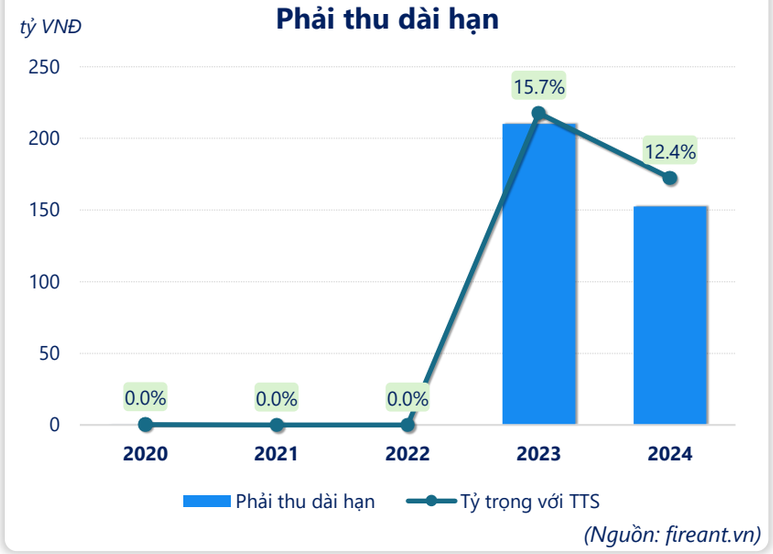


Powered by Infographic

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

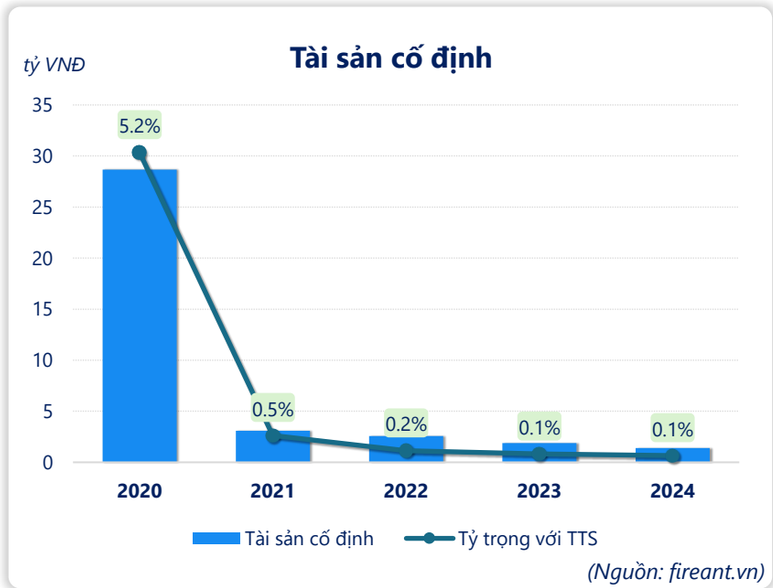


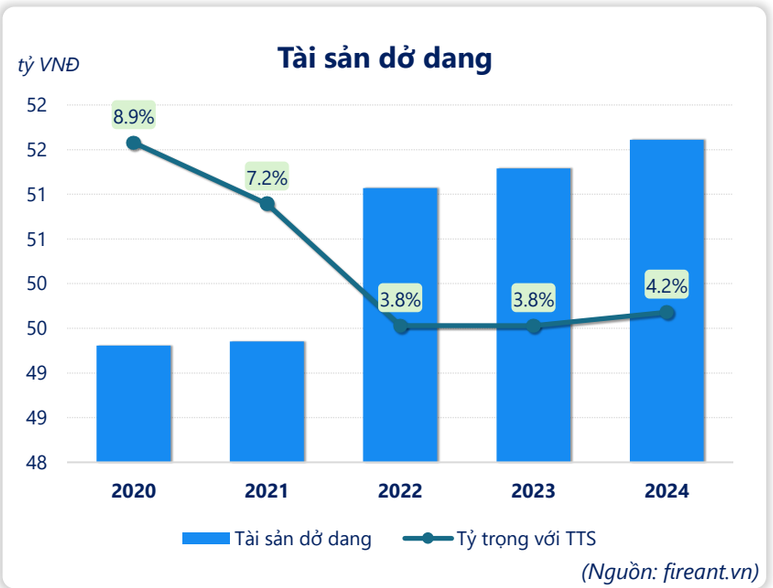




Tài sản dài hạn đạt **474.5** tỷ đồng giảm **11.1%** so với năm trước. Dẫn đến, tỷ trọng trên tổng tài sản giảm còn **38.7%**. Trong đó **đầu tư tài chính dài hạn** chiếm cao nhất **16.3%**, sau đó là phải thu dài hạn chiếm 12.4%.

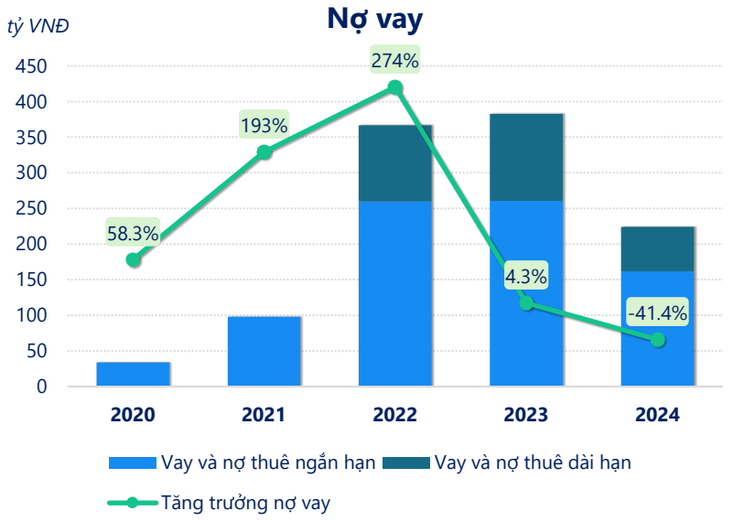
Phân tích cơ cấu tài sản dài hạn giúp đánh giá khả năng sinh lợi dài hạn, khả năng chi trả nợ dài hạn và khả năng tạo ra giá trị cho cổ đông. Cần đánh giá tổng quan với các doanh nghiệp cùng ngành để đưa ra kết luận tốt hơn.



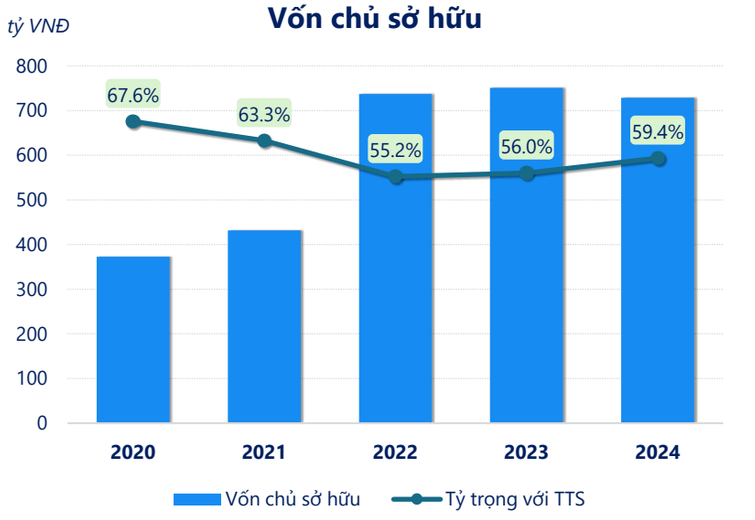


CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

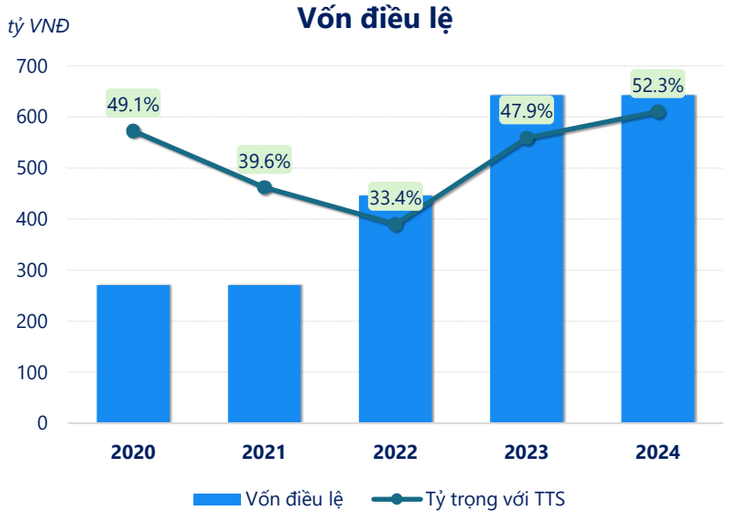
Nợ vay



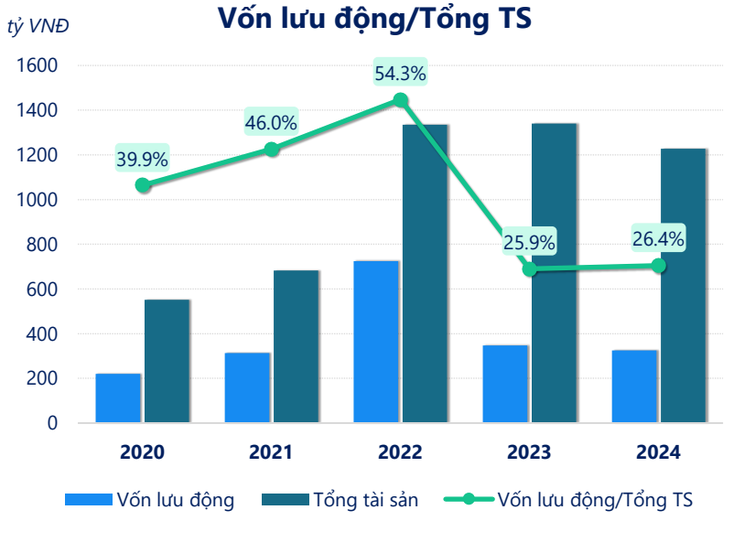
Vốn chủ sở hữu



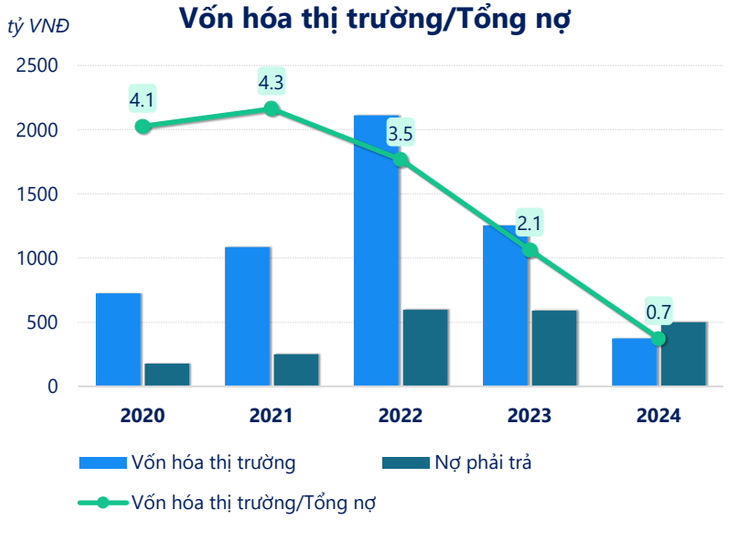
Vốn điều lệ



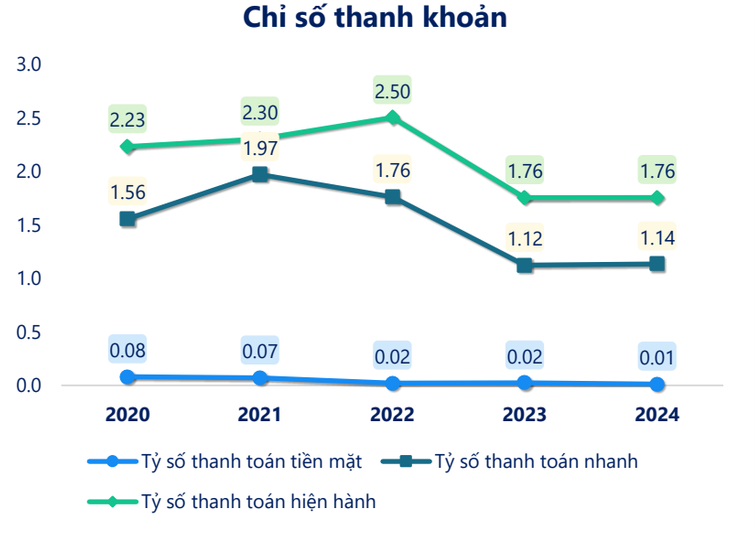
Vốn lưu động/Tổng TS



Vốn hóa thị trường/Tổng nợ



Chỉ số thanh khoản



FireAnt

CTCP Địa ốc First Real (HSX: FIR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,227**	**1,340**	**-8.4%**
Tài sản ngắn hạn	753	806	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	5.32	11.0	-51.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	479	503	-4.7%
Hàng tồn kho	266	290	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.73	2.90	-5.9%
Tài sản dài hạn	**474**	**534**	**-11.1%**
Phải thu dài hạn	152	210	-27.4%
Tài sản cố định	1.39	1.88	-26.1%
Bất động sản đầu tư	57.0	57.6	-0.9%
Tài sản dở dang	51.6	51.3	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**12.0**	**13.0**	**-7.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	499	589	-15.4%
Nợ ngắn hạn	**428**	**459**	**-6.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	161	261	-38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.19	1.24	-3.6%
Nợ dài hạn	70.2	130	-45.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.8	122	-48.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**729**	**751**	**-3.0%**
Vốn điều lệ	642	642	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**150**	**233**	**367**	**168**	**69.9**
Giá vốn hàng bán	38.1	80.2	130	74.2	24.5
Lợi nhuận gộp	**112**	**153**	**237**	**93.9**	**45.4**
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	4.80	12.5	0.04
Chi phí TC	3.11	12.2	31.2	51.8	38.8
Chi phí lãi vay	**3.11**	**5.31**	**31.2**	**47.5**	**38.6**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0.04
Chi phí bán hàng	30.4	42.1	44.4	11.4	1.56
Chi phí QLDN	31.1	18.0	30.7	16.7	21.9
LN thuần từ HĐKD	**46.9**	**80.4**	**135**	**26.6**	**-16.8**
Lợi nhuận khác	-2.92	-6.46	-5.06	-5.21	-0.26
LN trước thuế	**44.0**	**73.9**	**130**	**21.4**	**-17.0**
Lợi nhuận sau thuế	**36.9**	**60.4**	**103**	**14.0**	**-22.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**37.0**	**60.5**	**103**	**14.0**	**-22.4**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.23	-60.9	-349	40.1	153
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.0	-1.34	-128	-55.8	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.1	64.6	471	15.9	-158
Tiền đầu kỳ	53.6	14.5	16.9	10.9	11.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-39.1**	**2.36**	**-6.02**	**0.12**	**-5.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.5	16.9	10.9	11.0	5.32

Powered by Infographic